

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Văn M

2. Bà Phạm Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh P – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, HP tham gia phiên tòa:
Bà Lê Phương D - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – HP xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh ngày 04/9/1975; số CCCD: 030075021147. ĐKKHKT: Số D L, phường L, thành phố HP. Nơi cư trú: Số D M, phường T, thành phố HP.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 08/8/1977; số CCCD: 030177009931; Nơi đăng ký thường trú và cư trú trước khi xuất cảnh: Số D L, phường L, thành phố HP. Nơi cư trú hiện nay: Đức.

(Anh N và chị L đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt anh Vũ Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã H, tỉnh HD (nay là

phường H, thành phố HP) ngày 27/12/1993. Năm 2020, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đức đến năm 2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách, không có sự quan tâm nhau trong cuộc sống, chị L thiếu trách nhiệm với gia đình và xúc phạm anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, có nín kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị L để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Khánh L1, sinh ngày 21/02/1995 và Vũ Khánh L2, sinh ngày 26/12/2003, hiện nay các con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án.

Bà Đinh Thị B (là mẹ đẻ của bị đơn) trình bày: Về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh N trình bày là đúng. Chị L hiện đang lao động ở Đức và thường xuyên liên lạc với gia đình. Chị L biết việc anh N có đơn xin ly hôn. Chị L xác định không còn tình cảm và nhất trí ly hôn với anh N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Khánh L1, sinh ngày 21/02/1995 và Vũ Khánh L2, sinh ngày 26/12/2003, các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị L đang đi làm xa nên bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng thay cho chị L.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 8 – HP phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Vũ Văn N ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – HP,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Vũ Văn N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị L. Chị L hiện đang sinh sống và lao động tại Đức, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại số D L, phường L, thành phố HP. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – HP.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không cung cấp được địa chỉ của chị L tại Đức. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 8, Hải Phòng đã yêu cầu anh N và gia đình chị L cung cấp địa chỉ nhưng anh N và gia đình chị L không cung cấp được. Thông qua gia đình xác định chị L có liên lạc về với gia đình, chị L có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh N nhưng không cung cấp được địa chỉ và không gửi văn bản trình bày quan điểm. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 8 – HP tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

[1.3] Tại phiên tòa anh N có đơn giải quyết xử vắng mặt; chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N và chị L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết UBND phường T, thị xã H, tỉnh HD (nay là phường H, thành phố HP) ngày 27/12/1993 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do nảy sinh nhiều mâu thuẫn do xa cách, mỗi người một nơi. Hiện nay, chị L chưa về nước, còn anh N sống tại Việt Nam. Anh N và chị L đều xác định không còn tình cảm với nhau và nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh N ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Vũ Văn N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Vũ Văn N. Xử cho anh Vũ Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000469 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố HP (anh N đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – HP;
- Phòng THADS khu vực 8 – HP;
- UBND phường Hải Dương, TP HP;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn T